

NGÔN NGỮ với tư cách là mạch ngầm văn hóa

LÊ CÔNG SỰ *

Vào những năm đầu thế kỷ XX, khi khoa học công nghệ phát triển với tốc độ cao, đem lại nhiều nguồn lợi cho nhân loại, người ta nghĩ rằng chìa khoá của mọi vấn đề kinh tế - xã hội có lẽ nằm ở khoa học. Nhưng đến những năm cuối thế kỷ XX, người ta nghiêm túc thừa nhận rằng khoa học chưa phải là chìa khoá để giải quyết tận gốc các vấn đề. Khi khoa học không phải là "cây đũa thần" của mọi điều nan giải, khi trình độ hiểu biết chưa chắc đã làm cho con người trở nên nhân đạo hơn, các nhà nghiên cứu khoa học xã hội nhận ra rằng: không thể xem thường văn hoá và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Đó là nguyên do để ngày 21 tháng 1 năm 1988, F. Mayor - Tổng giám đốc *Tổ chức khoa học, văn hoá và giáo dục của Liên hợp quốc* (UNESCO) đã long trọng phát động phong trào "Thập kỷ thế giới phát triển văn hoá" (1988 - 1997). Tại buổi lễ này, ông nhấn mạnh rằng văn hoá và phát triển là hai mặt gắn liền với nhau, trong đó văn hoá giữ vị trí trung tâm có vai trò điều tiết đối với sự phát triển xã hội (4).

1. Hiện nay trên thế giới đã có hàng trăm định nghĩa khác nhau về văn hoá, nhưng những định nghĩa này chỉ có tính chất quy ước nhằm đi tới một khái niệm thoả thuận để tiện sử dụng. Nói về sự khó khăn khi định nghĩa văn hoá, nhà triết học người Pháp Derida phát biểu: "Văn hoá là cái tên mà người ta đặt cho điều bí ẩn không cùng đối với những ai ngày nay đang tìm cách suy nghĩ về nó". Tuy có nhiều cách diễn đạt khác nhau khi định nghĩa văn hoá, nhưng về cơ bản các học giả đều thống nhất ở điểm cho rằng: *văn hoá là toàn bộ các giá trị vật chất (vật thể) và các giá trị tinh thần (phi vật thể) mà loài người đã, đang và sẽ tạo ra trong quá trình phát triển lịch sử của mình*. Tóm lại, văn hoá là tổng hoà mọi giá trị của loài người. Theo nghĩa đó, ngôn ngữ là một yếu tố cấu thành cơ bản của văn hoá, bởi nó là sản phẩm sáng tạo đặc biệt của tư duy con người (5).

2. Nhìn từ cả hai góc độ: lịch đại và đồng đại, ngôn ngữ chính là mạch ngầm văn hoá. Nên lý giải vấn đề này từ đâu và như thế nào?

2.1. Trước hết, chúng ta phải bắt đầu từ việc khảo sát quan điểm của loài người về nguồn gốc ngôn ngữ. Quan niệm về nguồn gốc ngôn ngữ của bất kỳ dân tộc nào cũng gắn liền với các huyền tích (myth-legend) - đó là cơ sở cho sự ra đời cho *Thuyết thần ngôn* được diễn đạt trong Kinh thánh của Đạo Kitô, trong Kinh

* ThS. Đại học Ngoại ngữ Hà Nội

Vềđã ở Ấn Độ cổ đại... Từ góc nhìn hiện đại, trên quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, thuyết này không thể đứng vững, song nó phần nào cũng nói lên rằng sáng tạo ngôn ngữ là sáng tạo tuyệt vời mà bản thân con người bình thường khó có thể làm nổi, nên người xưa đành phải nương nhờ vào sự giúp sức của thần thánh.

Tiếp theo thuyết thần ngôn là *Thuyết tượng thanh, Thuyết cảm thán, Thuyết tiếng kêu trong lao động, Thuyết kế ước xã hội, Thuyết ngôn ngữ cử chỉ*. Tất cả các thuyết kể trên đều cố gắng giải thích sự ra đời của ngôn ngữ theo quan điểm riêng, song cuối cùng cũng không đưa ra được những bằng chứng thuyết phục nào. Phải đợi đến khi triết học Mác ra đời, việc nghiên cứu ngôn ngữ mới được bắt đầu khai mở theo hướng nhìn nhận vấn đề trên quan điểm duy vật biện chứng. Trong tác phẩm *"Vai trò của lao động trong quá trình chuyển biến từ vượn thành người"*, Ph.Ăngghen viết: "Đem so sánh con người với các loài vật, người ta sẽ thấy rõ rằng ngôn ngữ bắt nguồn từ lao động và cùng phát triển với lao động, đó là cách giải thích duy nhất đúng về nguồn gốc của ngôn ngữ" (1, tr.645).

Lý thuyết nguồn gốc ngôn ngữ do Ăngghen đề xướng như đã nói, thực chất là lý thuyết về sự hình thành cấu trúc xã hội như một chỉnh thể và ngôn ngữ là một bộ phận của cấu trúc đó. Theo Ăngghen, sự ra đời và phát triển của ngôn ngữ phản ánh trình độ lao động sản xuất, phản ánh bản chất cũng như sự đa dạng của các quan hệ xã hội, mà ngôn ngữ chính là phương tiện giao tiếp đặc biệt, là chất keo gắn chặt các quan hệ đó. Nhờ có ngôn ngữ mà văn hoá của các bộ tộc, bộ lạc, và sau này là của các dân tộc được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, đặc biệt là văn hoá dân gian (folklore). Lý thuyết của Ăngghen có sức mạnh dự báo to lớn sau này các ngành khoa học liên quan đến ngôn ngữ như: thần thoại học; khảo cổ học; dân tộc học; tâm lý học; sinh lý học; văn học... những lĩnh vực đã khảo sát vấn đề theo hướng đó và đạt được những thành tựu đáng kể.

Như vậy, đứng về phương diện lịch sử, có thể nói rằng sự ra đời của ngôn ngữ là cái mốc đánh dấu cho sự ra đời của văn hoá. Kể từ thời điểm đó, văn hoá mới được khơi dậy, mở rộng, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Ngày nay chúng ta khó có thể tưởng tượng rằng việc nghiên cứu văn hoá của nhân loại sẽ khó khăn đến nhường nào nếu không giải mã được các ngôn ngữ đã từng tồn tại trước đó. Và cũng khó mà tưởng tượng rằng sau vài thập kỷ tới, lạc quan hơn nữa là vài thế kỷ tới, người Việt chúng ta sẽ gặp khó khăn như thế nào khi nghiên cứu văn hoá thời kỳ cổ-trung đại của mình, nếu như số người biết tiếng Hán cổ ngày càng ít đi, nếu không nói là mất hẳn trước sự tấn công của tiếng Hán hiện đại, của các ngôn ngữ phương Tây. Điều đó chứng tỏ rằng gìn giữ được ngôn ngữ là có trong tay chiếc chìa khoá để mở cánh cửa văn hoá quá khứ, để mất ngôn ngữ tức là cánh cửa văn hoá quá khứ sẽ bị đóng kín, bị lãng quên.

2.2. Vì ngôn ngữ phản ánh cấu trúc xã hội, phản ánh đời sống sinh động của con người, nên việc nghiên cứu ngôn ngữ cũng giống như việc nghiên cứu lịch

sử xã hội. Từ cách đặt vấn đề như vậy, Iu.V. Rozdexvenxki trong cuốn "*Những bài giảng ngôn ngữ học đại cương*" đã đưa ra một bảng phân loại ngôn ngữ như sau:

Ngôn ngữ nói chung		
1. Ngôn ngữ tự nhiên (ngôn ngữ giao tiếp nói)	2. Ngôn ngữ nhân tạo (ngôn ngữ giao tiếp viết)	
1.1. <i>Tử ngữ</i> : Không được học trong gia đình, chỉ có ý nghĩa về kiến thức	2.1. Sinh ngữ: Tiếng mẹ đẻ và ngoại ngữ (được học trong gia đình)	2.2. Ngôn ngữ chuyên dụng: Vận dụng phổ biến trong đời sống và khoa học.
1.1.1. <i>Ngôn ngữ tái tạo</i> : Những lời nói khi chưa có chữ viết được tái tạo trên những nét cơ bản.	2.1.1. <i>Ngôn ngữ bộ lạc</i> : Dùng để giao tiếp trong các bộ lạc.	2.2.1. <i>Ngôn ngữ chính thức</i> : Dùng trong trao đổi hành chính (nói, viết) trong nội bộ quốc gia và ngoại giao quốc tế.
1.1.2. <i>Ngôn ngữ đang được giải mã</i> : Đã bị quên, song vẫn còn lưu trong văn bản, cần được giải mã.	2.1.2. <i>Ngôn ngữ tộc người</i> : Dùng để giao tiếp trong những tộc người.	2.2.2. <i>Ngôn ngữ hình thức</i> : Tiện dụng trong khoa học (toán, lý, hoá, logic) trong công nghệ điện tử - tin học - viễn thông.
1.1.3. <i>Ngôn ngữ cổ điển</i> : Được lưu giữ trong văn bia, chỉ có ý nghĩa nghiên cứu lịch sử văn hoá.	2.2.3. <i>Ngôn ngữ dân tộc và liên dân tộc</i> : Dùng để giao tiếp trong nội bộ dân tộc và giữa các dân tộc với nhau.	2.2.3. <i>Ngôn ngữ mật mã</i> : Dùng theo những quy định riêng giữa người nói và người nghe, để người ngoài cuộc không hiểu nổi

Xem: (6, tr. 52-57).

Nhìn vào bảng phân loại trên, chúng ta thấy, lịch sử ngôn ngữ cũng giống như lịch sử hiện thực của loài người.

Những loại hình *tử ngữ* chẳng khác gì những hiện vật văn hoá đang được lưu giữ trong các viện bảo tàng, chúng hiện diện như những chứng tích lịch sử, qua đó chúng ta có thể tìm hiểu phương thức sống, phương thức giao tiếp và ứng xử của người xưa. Bởi vậy, việc nghiên cứu *tử ngữ* là hết sức cần thiết cho việc nghiên cứu văn hoá quá khứ; giải mã được ngôn ngữ là giải mã được văn hoá, đúng như lời nhận xét của GS. Nguyễn Lai (Đại học QGHN): "Ngôn ngữ là phương tiện duy nhất có khả năng giải mã cho tất cả các loại hình nghệ thuật gắn liền với phạm trù văn hoá" (2, tr. 177). Điều này thể hiện rõ nhất trong các tác phẩm được coi như là nghệ thuật ngôn từ như *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Đọc những tác phẩm này, chúng ta không chỉ thấy thân phận đau buồn tủi nhục của những người phụ nữ "hồng nhan bạc phận", trong chế độ phong kiến, mà còn thấy hiện hình cả một bức tranh toàn cảnh của xã hội đó với đầy đủ

những đường nét, âm thanh, màu sắc như nó vốn có. Ở đây, ngôn ngữ đã vượt khỏi ranh giới của ngôn từ để trở thành nhạc, họa.

Như vậy, nghệ thuật ngôn từ là một thứ nghệ thuật vương giả tạo nên cho các loại hình nghệ thuật khác, chẳng hạn như nghệ thuật điện ảnh, nghệ thuật thư pháp, nghệ thuật trang trí, nghệ thuật chơi chữ. Các học giả trong làng Nho chắc ai cũng biết về chuyện chơi chữ của Cao Bá Quát. Tương truyền, có một vị quan vốn đồ kỵ với tài ba của Thánh Quát nên muốn chơi xỏ ông. Khi Cao Bá Quát đến chơi nhà, vị quan này liền ra một vế đối: "Lợn cần*, ăn cám tốn". Không cần phải suy nghĩ lâu, Cao Bá Quát liền đáp: "Chó khôn, chó cần cần". Đó là một vế đáp rất chuẩn, vì Lợn đối với Chó; Cần đối với Khôn; Tốn đối với Cần**. Đây chỉ là một trong muôn vàn câu chuyện vui về nghệ thuật chơi chữ của các cụ ngày xưa, nhưng qua đó cũng cho chúng ta thấy sức mạnh phê phán của ngôn ngữ. Ở đây, ngôn ngữ lại trở thành bức tranh châm biếm những thói hư tật xấu của con người.

Sinh ngữ chính là hình thức ngôn ngữ sống động của loài người. Chúng là phương tiện, là chiếc cầu để mở rộng giao lưu văn hoá giữa các cộng đồng nói chung. Văn hoá của các dân tộc chỉ có thể xâm nhập vào nhau, giao thoa với nhau thông qua việc giao lưu ngôn ngữ. Các cộng đồng dân tộc chỉ có thể thông cảm với nhau, hợp tác với nhau khi họ tìm ra một tiếng nói chung. Bất đồng ngôn ngữ là nguyên nhân cơ bản dẫn tới sự hiểu lầm văn hoá, mà hiểu lầm văn hoá là nguyên nhân của mọi sự hiểu lầm khác. Đừng nói đâu xa, ngay trong một quốc gia, một số khái niệm đồng âm nhưng các vùng địa phương lại dùng theo những nghĩa khác nhau. Ví dụ: "cái nón", "cái chén", "cái bát"... ở ba vùng Bắc - Trung - Nam nước ta có âm gọi như nhau, song đối tượng phản ánh và nghĩa lại hoàn toàn khác nhau.

Nói về vai trò của ngôn ngữ với tư cách là một phương tiện giao tiếp văn hoá, TS. Võ Hưng Thanh trong cuốn *Từ thực tại vũ trụ đến triết học* viết: "Trong xã hội, con người vừa có ý thức vừa có văn hoá, nên đồng thời vừa có khả năng tác động lên môi trường vật chất xung quanh mà vừa có khả năng tác động lên đồng loại của mình. Sự tác động đó có thể thực hiện thông qua ngôn ngữ và thông qua hành động. Nếu ngôn ngữ và hành động là trung thực và có thiện chí tức là có ý hướng tốt thì mang lại lợi ích và hạnh phúc cho người khác, bằng không thì ngược lại, chỉ mang lại tai hại và bất hạnh. Đó là tính hai mặt của ngôn ngữ và hành vi, là hiện tượng mà trong xã hội con người thường có" (3, tr. 38).

Ngôn ngữ chuyên dụng là sản phẩm sáng tạo ở giai đoạn tư duy con người phát triển cao hơn các giai đoạn trước, bởi vậy, nó mang dáng dấp ngôn ngữ bác học và phản ánh những xu hướng phát triển tương lai của lịch sử nhân loại. Trong xu thế toàn cầu hoá, việc thống nhất ngôn ngữ của các dân tộc trên một số bình

* Lợn cần: Lợn có chữa.

** Đây là các quẻ có vị trí đối nhau trong *Bát quái hậu thiên*.

diện nào đó là rất cần thiết, bởi thế giới là một ngôi nhà chung, mọi người sống trong ngôi nhà đó cần phải hiểu nhau. Đó là ý tưởng giúp các nhà ngôn ngữ, các nhà khoa học sáng tạo nên *ngôn ngữ hình thức* như đã nói. Nhờ có loại hình ngôn ngữ này mà việc tiếp nhận khoa học giữa các quốc gia trở nên dễ dàng hơn, tiện lợi hơn. Chiếc máy tính (Computer) có thể coi như một sứ giả văn hoá thời hiện đại, nhờ nó mà không gian của hành tinh chúng ta dường như thu nhỏ lại, thời gian vũ trụ trôi nhanh hơn, còn đời sống con người thì kéo dài ra, do nó làm được rất nhiều việc mà trước kia không ai có thể làm được.

2.3. Ngôn ngữ không chỉ là chiếc chìa khoá khai mở văn hoá, là phương tiện giao tiếp văn hoá, mà còn là *cơ sở cho sự hình thành và phát triển văn hoá*. Để luận giải cho vấn đề này, cần một công trình nghiên cứu tầm cỡ. Trong chuyên luận này, chúng tôi chỉ đơn cử một ví dụ về mối quan hệ giữa ngôn ngữ với việc hình thành tri thức trong khoa học tự nhiên.

Chúng ta đều biết, *tri thức* là quá trình trừu tượng hoá sự vật cụ thể thành khái niệm trừu tượng. *Biết* là kết nối các ý niệm trừu tượng với nhau nhằm biểu đạt một nội dung nào đó. Không có tri thức nào được hình thành mà không thông qua nội dung và hình thức ngôn ngữ. Chẳng hạn như các công thức nổi tiếng:

1) trong Cơ học của Newton: $F = G \cdot \frac{m_1 m_2}{r^2}$

2) trong Thuyết tương đối của Einstein: $E = mc^2$

chúng đã thu tóm toàn bộ quy luật vũ trụ cơ bản vào trong những phương trình toán - vật lý. Theo đó thì: 1) vạn vật trong thế giới hấp dẫn lẫn nhau với một lực tỷ lệ thuận với tích khối lượng và tỷ lệ nghịch với bình phương khoảng cách giữa chúng; 2) năng lượng vật chất bằng khối lượng nhân với bình phương vận tốc ánh sáng. Các công thức này là hình tượng ngôn ngữ, dù đó là ngôn ngữ toán - lý, và để đạt tới nó là cả một quá trình kết nối ngôn ngữ.

Nói về vai trò của ngôn ngữ với tư cách là cơ sở để hình thành văn hoá, GS. Nguyễn Lai viết: "Theo cách hiểu thông thường, ngôn ngữ được bao hàm trong bản thân văn hoá. Nhưng thực ra trong hoạt động thực tiễn của mình, ngôn ngữ chỉ phối lại cơ chế văn hoá trên nhiều mặt và thông qua nhiều cơ chế phức tạp... Sự hình thành ngôn ngữ là tiền đề nhiều mặt của sự hình thành và phát triển văn hoá"(2, tr. 173-174).

3. Những điều mà chúng tôi đã phân tích trên tuy còn sơ lược nhưng cũng đủ cho chúng ta thấy rằng, ngôn ngữ có vai trò quan trọng như thế nào trong việc giải mã, bảo tồn, giao lưu, truyền bá và phát triển văn hoá. Thực tế cho thấy, sự vận động và phát triển của ngôn ngữ tỷ lệ thuận với sự vận động và phát triển của văn hoá. Chính vì vậy, nếu ngôn ngữ bị cô lập, mai một, suy thoái thì văn hoá cũng chịu chung số phận tương tự.

Là một trong những trung tâm đào tạo ngoại ngữ và tiếng Việt. Trường ĐH Ngoại ngữ HN cần phải làm gì và làm như thế nào để vừa tiếp nhận ngôn ngữ của

các quốc gia trên thế giới, vừa truyền bá tiếng Việt cho bầu bạn nước ngoài một cách có hiệu quả nhất? Chúng tôi thiết nghĩ, muốn đứng vững trong cơ chế thị trường đầy tính cạnh tranh như hiện nay, thì yếu tố có ý nghĩa sống còn là phải nâng cao chất lượng giảng dạy nhằm tạo nên một địa chỉ đào tạo đáng tin cậy theo phương châm "hữu xạ tự nhiên hương".

Ở bất kỳ một trường đại học nào chất lượng giáo dục chủ yếu phụ thuộc vào đội ngũ người thầy. Đến lượt mình, chất lượng đội ngũ người thầy lại phụ thuộc vào hai yếu tố cơ bản là: *nguyên cứu khoa học và phương pháp giảng dạy*; cả hai yếu tố đó đều quan trọng như nhau. Nghiên cứu khoa học là quá trình tích lũy tri thức, chuẩn bị về lượng, để từ đó thông qua phương pháp giảng dạy, thực hiện bước chuyển về chất. Nếu nói một cách hình ảnh thì, việc nghiên cứu khoa học giống như việc "tạo bột", còn phương pháp giảng dạy là quá trình "gột nên hồ", theo đúng triết lý dân gian người Việt: "Có bột mới gột nên hồ". Nhà triết học vĩ đại người Đức Immanuel Kant, sau hơn 40 năm giảng dạy tại trường Đại học tổng hợp Conisberg đã nói một câu chí lý rằng suốt cả quãng đời giảng dạy, ông chỉ làm cái công việc truyền đạt lại cho sinh viên những gì ông viết.

Trở lại vấn đề quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá, như vấn đề đã đặt ra: ngôn ngữ là chìa khoá để giải mã văn hoá, là phương tiện giao tiếp - giao lưu văn hoá, là cơ sở hình thành, phát triển văn hoá. Chính vì vậy, việc nghiên cứu ý nghĩa của ngôn ngữ phải đứng trên quan điểm lịch sử cụ thể, nghĩa là phải tìm hiểu nguồn gốc, bối cảnh lịch sử phát sinh của nó. Điều đó có nghĩa là cần tìm một chỗ đứng thích hợp cho môn *Từ nguyên học* (Etymology)*. Từ trước đến nay chúng ta đã và đang giảng dạy tốt môn *Từ vựng học* (Lexicology), nhưng môn *Từ nguyên học* thì chưa được quan tâm một cách đúng mức. Kinh nghiệm giảng dạy chuyên môn (Triết học) đã cho chúng tôi thấy rằng việc giải thích nghĩa của các thuật ngữ khoa học trên quan điểm *từ nguyên học* là vô cùng quan trọng, nó giúp người học nắm được hệ thống từ khoá để từ đó hiểu tốt hơn những từ có liên quan.

Tóm lại, tiếp cận, nghiên cứu và thực hành ngôn ngữ tức là tiếp cận, nghiên cứu và thực hành một yếu tố cốt lõi, một mạch ngầm của văn hoá. Mạch ngầm đó cần phải được bảo tồn, lưu truyền và khai mở để cung cấp "nguồn nước" cho sự sống muôn đời.

Tài liệu tham khảo:

1. C. Mác và Ph. Ăngghen - Toàn tập. Nxb. CTQG. 1995, t.20.
2. Nguyễn Lai - Những bài giảng về ngôn ngữ học đại cương. Nxb. ĐHQGHN. t1.
3. Nguyễn Hưng Thanh - Từ thực tại vũ trụ đến triết học. Nxb.Tp. Hồ Chí Minh. 2001.
4. Người đưa tin UNESCO. Số11, 1988.
5. Hồ Sỹ Quý - Tìm hiểu về văn hoá và văn minh. Nxb. CTQG. 1999.
6. IU.V. Rozdexvenxki - Những bài giảng ngôn ngữ học đại cương. Nxb. Giáo dục. 1997. □

*Môn khoa học nghiên cứu về nguồn gốc, về lịch sử các từ và nghĩa của chúng .